

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY LẦN 2 ĐỢT 2 NĂM 2020

(kèm theo thông báo số 67/TB-HVPNVN ngày 19.tháng 8.năm 2020)

Ngành : Công tác xã hội

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tổng điểm có Ưu tiên
1	2077610155	Hoàng Lâm Thảo	Nữ	12/06/2001	Công tác xã hội	26.45
2	2077610156	Sùng Thị Minh	Nữ	07/02/2002	Công tác xã hội	23.15
3	2077610157	Dương Thị Khánh Vy	Nữ	29/12/2002	Công tác xã hội	21.95
4	2077610158	Lê Thị Hải	Nữ	01/01/2002	Công tác xã hội	30.15
5	2077610159	Lê Thị Lưu Trang	Nữ	30/05/2002	Công tác xã hội	27.3
6	2077610160	Nay Hồ Quân	Nữ	10/03/2002	Công tác xã hội	27.15
7	2077610161	Tổng Thị Quỳnh	Nữ	06/05/2001	Công tác xã hội	27.15
8	2077610162	Hà Thị Mai Ly	Nữ	28/12/2001	Công tác xã hội	26.95
9	2077610163	Đinh Thị Như Quỳnh	Nữ	02/06/2000	Công tác xã hội	26.75
10	2077610164	Trương Thị Mai	Nữ	25/02/2002	Công tác xã hội	26.55
11	2077610165	Dương Thị Oanh	Nữ	04/04/2002	Công tác xã hội	26.05
12	2077610166	Cao Thảo Quyên	Nữ	30/10/2002	Công tác xã hội	26.05
13	2077610167	Quảng Thị Thơm	Nữ	28/09/2002	Công tác xã hội	25.65
14	2077610168	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	06/11/2002	Công tác xã hội	25.5
15	2077610169	Ly Thị Đế	Nữ	07/08/2002	Công tác xã hội	25.45
16	2077610170	Quảng Thị Kim Thảo	Nữ	24/03/2002	Công tác xã hội	25.35
17	2077610171	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	04/12/2001	Công tác xã hội	25.2
18	2077610172	Điêu Thị Hà	Nữ	22/12/2002	Công tác xã hội	24.85
19	2077610173	Trương Thị Ngọc Hoa	Nữ	20/09/2002	Công tác xã hội	24.75
20	2077610174	Vũ Thảo Anh	Nữ	14/01/2002	Công tác xã hội	24.5
21	2077610175	Nguyễn Thị Hồng Yến	Nữ	20/02/2002	Công tác xã hội	24.45
22	2077610176	Trần Thị Kim Loan	Nữ	09/01/2002	Công tác xã hội	24.35
23	2077610177	Bùi Thị Thanh Huyền	Nữ	31/10/2002	Công tác xã hội	24.25
24	2077610178	Lê Thị An Hà	Nữ	20/06/2002	Công tác xã hội	24.1
25	2077610179	Hoàng Minh Tâm	Nữ	19/05/2002	Công tác xã hội	23.75
26	2077610180	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	14/02/2002	Công tác xã hội	23.2
27	2077610181	Đỗ Thị Thu Uyên	Nữ	06/09/2002	Công tác xã hội	22.95
28	2077610182	Nguyễn Thị Hương	Nữ	18/05/2002	Công tác xã hội	22.8
29	2077610183	Nguyễn Thị Khánh Hòa	Nữ	09/09/2002	Công tác xã hội	22.5
30	2077610184	Trương Thị Hà	Nữ	20/02/2002	Công tác xã hội	22.5
31	2077610185	Lê Văn Bắc	Nam	03/02/2002	Công tác xã hội	21.9
32	2077610186	Nuyễn Thanh Hiền	Nữ	08/12/2002	Công tác xã hội	25.2
33	2077610187	Vũ Thu Phương	Nữ	10/12/2002	Công tác xã hội	25.2
34	2077610188	Nguyễn Hà Dung	Nữ	13/05/2002	Công tác xã hội	23
35	2077610189	Nguyễn Thanh Vân	Nữ	15/06/2002	Công tác xã hội	22
36	2077610190	Nguyễn Thị Huế	Nữ	07/11/2002	Công tác xã hội	20.25

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tổng điểm có Ưu tiên
Ngành: Giới và phát triển						
1	2073190044	Đặng Lê Khánh Ly	Nữ	16/02/2002	Giới và Phát triển	25.65
2	2073190045	Nguyễn Thanh Hà	Nữ	02/03/2002	Giới và Phát triển	25.25
3	2073190046	Võ Văn An	Nam	20/03/2002	Giới và Phát triển	21.55
4	2073190047	Bùi Lê Hiếu	Nam	10/06/2002	Giới và Phát triển	28.15
5	2073190048	Lê Thị Lưu Trang	Nữ	30/05/2002	Giới và Phát triển	27.3
6	2073190049	Đinh Thị Hồng Như	Nữ	31/10/2002	Giới và Phát triển	27.05
7	2073190050	Lò Thị Hoa	Nữ	25/05/2002	Giới và Phát triển	25.75
8	2073190051	Nguyễn Thị Huế	Nữ	07/11/2002	Giới và Phát triển	23.25
9	2073190052	Nguyễn Thị Hương	Nữ	18/05/2002	Giới và Phát triển	22.8
10	2073190053	Nguyễn Thị Phương Loan	Nữ	29/11/2002	Giới và Phát triển	24.75
11	2073190054	Trần Phương Ngọc	Nữ	06/04/1999	Giới và Phát triển	23.2
12	2073190055	Hà Linh Trang	Nữ	26/06/2002	Giới và Phát triển	23.15
13	2073190056	Nguyễn Thị Tuyết Ngoan	Nữ	07/06/2002	Giới và Phát triển	22.75
14	2073190057	Nguyễn Thu Hà	Nữ	20/07/2002	Giới và Phát triển	19.45
Ngành: Kinh tế						
1	2073100066	Đỗ Thị Thu	Nữ	23/05/2002	Kinh tế	28.85
2	2073100067	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	26/06/2002	Kinh tế	27.35
3	2073100068	Lục Quỳnh Anh	Nam	07/08/2001	Kinh tế	23.95
4	2073100069	Nguyễn Tuyết Nhi	Nữ	25/02/2002	Kinh tế	23.75
5	2073100070	Phùng Gia Khiêm	Nam	27/07/2001	Kinh tế	26.05
6	2073100071	Tô Thị Quỳnh Trang	Nữ	10/06/2002	Kinh tế	21
7	2073100072	Nguyễn Thị Thuý Anh	Nữ	22/12/2002	Kinh tế	26.15
8	2073100073	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	26/02/2001	Kinh tế	25.75
9	2073100074	Chu Thị Yến Nhi	Nữ	05/10/2002	Kinh tế	25.4
10	2073100075	Nguyễn Thị May	Nữ	31/10/2002	Kinh tế	25.05
11	2073100076	Phí Thị Lan Hương	Nữ	06/03/2002	Kinh tế	24.85
12	2073100077	Đặng Vũ Khánh Linh	Nữ	25/01/2001	Kinh tế	24.4
13	2073100078	Trần Thị Thu Phương	Nữ	29/07/2000	Kinh tế	24.35
14	2073100079	Đào Thị Lệ	Nữ	21/12/2001	Kinh tế	23.75
15	2073100080	Giàng Hoài Thu	Nữ	03/11/2002	Kinh tế	23.45
16	2073100081	Đinh Thị Thuý Nga	Nữ	27/01/2002	Kinh tế	22.35
17	2073100082	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	02/02/2001	Kinh tế	20.65
18	2073100083	Trần Đặng Khánh An	Nữ	09/03/2002	Kinh tế	26.3
19	2073100084	Nguyễn Trà My	Nữ	19/07/2002	Kinh tế	24.4
20	2073100085	Chu Thị Thu Hiền	Nữ	27/12/2001	Kinh tế	24.25
21	2073100086	Hoàng Thị Thuyên	Nữ	29/04/2002	Kinh tế	24.15
22	2073100087	Đỗ Thị Thu Tầm	Nữ	04/10/2002	Kinh tế	23.6

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tổng điểm có Ưu tiên
Ngành: Luật kinh tế						
1	2073800072	Lê Ngọc Quỳnh	Nữ	12/12/2000	Luật kinh tế	23.85
2	2073800073	Lê Trần Như Huyền	Nữ	19/11/2002	Luật kinh tế	23.8
3	2073800074	Nguyễn Quảng Doanh	Nam	07/08/2002	Luật kinh tế	22.05
4	2073800075	Nguyễn Thanh Nhân	Nữ	09/03/2000	Luật kinh tế	21.95
5	2073800076	Lê Huyền My	Nữ	31/07/2002	Luật kinh tế	25.45
6	2073800077	Hoàng Thị Phương Thảo	Nữ	22/01/2002	Luật kinh tế	28.15
7	2073800078	Đinh Ngọc Huyền Vân	Nữ	14/09/2002	Luật kinh tế	27.35
8	2073800079	Vương Thu Thảo	Nữ	23/06/2002	Luật kinh tế	27.35
9	2073800080	Lò Phương Anh	Nữ	09/12/2002	Luật kinh tế	27.35
10	2073800081	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	28/08/2000	Luật kinh tế	26.7
11	2073800082	Phan Thị Như Quỳnh	Nữ	22/12/2002	Luật kinh tế	26.35
12	2073800083	Nguyễn Hải Yến	Nữ	21/01/2002	Luật kinh tế	25.45
13	2073800084	Nguyễn Thị Gia Huệ	Nữ	04/12/2002	Luật kinh tế	25.05
14	2073800085	Nguyễn Ngân Hà	Nữ	20/08/2002	Luật kinh tế	24.9
15	2073800086	Thiều Thị Nga	Nữ	25/08/2002	Luật kinh tế	24.4
16	2073800087	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	23/09/2002	Luật kinh tế	24.25
17	2073800088	Vũ Nhật Anh	Nữ	21/06/2002	Luật kinh tế	24.1
18	2073800089	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	28/05/2002	Luật kinh tế	24.05
19	2073800090	Đỗ Thị Thư	Nữ	10/10/2002	Luật kinh tế	23.75
20	2073800091	Nguyễn Ánh Nguyệt	Nữ	06/02/2002	Luật kinh tế	23.75
21	2073800092	Hoàng Việt	Nam	26/02/2002	Luật kinh tế	23.65
22	2073800093	Trần Thị Thơm	Nữ	28/10/2000	Luật kinh tế	23
23	2073800094	Khuất Thu Huyền	Nữ	01/10/2002	Luật kinh tế	22.05
24	2073800095	Nguyễn Sơn Thanh	Nam	30/09/2002	Luật kinh tế	22.05
25	2073800096	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	02/06/2002	Luật kinh tế	21.75
26	2073800097	Đinh Công Tùng	Nam	10/09/2002	Luật kinh tế	21.25
27	2073800098	Phạm Ngọc Khải	Nam	25/01/2002	Luật kinh tế	20.8
28	2073800099	Đàm Ngọc Vương	Nữ	16/02/2002	Luật kinh tế	26.05
29	2073800100	Trần Khánh Linh	Nữ	02/03/2002	Luật kinh tế	25.55
30	2073800101	Lê Hương Giang	Nữ	02/12/2002	Luật kinh tế	23.7
31	2073800102	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	17/07/2002	Luật kinh tế	23.55
32	2073800103	Trần Phương Anh	Nữ	04/05/2002	Luật kinh tế	23.3
33	2073800104	Đặng Hà Thu	Nữ	14/11/2002	Luật kinh tế	21.9
34	2073800105	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	28/05/2002	Luật kinh tế	20.65

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tổng điểm có Ưu tiên
Ngành: Tâm lý học						
1	2073140089	Nguyễn Ngân Giang	Nữ	09/08/2002	Tâm lý học	25.05
2	2073140090	Nguyễn Quỳnh Mai	Nữ	17/12/2002	Tâm lý học	22.75
3	2073140091	Khuất Thị Thu Huyền	Nữ	08/03/2002	Tâm lý học	25.55
4	2073140092	Phạm Thanh Huyền	Nữ	08/11/2002	Tâm lý học	26.15
5	2073140093	Nguyễn Thu Nga	Nữ	08/09/2002	Tâm lý học	25.55
6	2073140094	Phan Thị Ánh Mây	Nữ	23/02/2002	Tâm lý học	25.35
7	2073140095	Phạm Đức Trình	Nam	24/04/2001	Tâm lý học	25.3
8	2073140096	Vũ Hà Anh	Nữ	25/11/2002	Tâm lý học	25.3
9	2073140097	Khuất Thị Thuận	Nữ	23/12/2001	Tâm lý học	24.95
10	2073140098	Nguyễn Thị Nga	Nữ	02/10/2002	Tâm lý học	24.25
11	2073140099	Đỗ Thanh Bình	Nữ	31/05/1999	Tâm lý học	24.2
12	2073140100	Đỗ Khánh Linh	Nữ	26/02/2000	Tâm lý học	24.2
13	2073140101	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	17/03/2002	Tâm lý học	23.7
14	2073140102	Nguyễn Mạnh Tùng	Nam	06/02/1999	Tâm lý học	23.5
15	2073140103	Ngô Khánh Linh	Nữ	29/08/2002	Tâm lý học	22.9
16	2073140104	Lê Thị Nụ	Nữ	17/04/2002	Tâm lý học	22.75
17	2073140105	Võ Văn An	Nam	20/03/2002	Tâm lý học	21.25
18	2073140106	Dương Thị Thảo Ngân	Nữ	06/06/2002	Tâm lý học	19.25
19	2073140107	Nguyễn Minh Phương	Nữ	20/08/2002	Tâm lý học	23.8
20	2073140108	Trần Phương Ngọc	Nữ	06/04/1999	Tâm lý học	23.2

